



Latex-Fingerlinge Econ

pure¹¹-Nr.: 05606, Hersteller: Distributor pure¹¹

Zusammenfassung

- Neue pure11-Artikelnummer (ab 01.07.2023): 1105606
- Material: Latex
- Puderfrei
- Gerollt
- Reinraumgeeignet
- Antistatisch

Empfohlene Reinraumklassen

ISO

3 4 5 6 **7** 8 9

GMP

☐ ☐ ☐ ☐ **C** **D** ☐

Produktvarianten

pure¹¹-Nr.: 05606AS

Farbe: Rosa / Größe: S / VE: 1.440 Stück

pure¹¹-Nr.: 05606AM

Farbe: Rosa / Größe: M / VE: 1.440 Stück

pure¹¹-Nr.: 05606AL

Farbe: Rosa / Größe: L / VE: 1.440 Stück

pure¹¹-Nr.: 05606AXL

Farbe: Rosa / Größe: XL / VE: 1.440 Stück

Quelle: <https://www.pure11.de/latex-fingerlinge-econ-0>

LATEX FINGER COTS – POWDER FREE (*Sản phẩm bao ngón tay cao su không bột*)

PRODUCT (*Loại sản phẩm*)

Latex finger cots, Powder free, Chlorinated
(*Bao ngón tay cao su không bột*)

Smooth/Textured Surface
(*Bề mặt trơn/nhám*)

ORIGIN (*Xuất xứ*)

Viet Nam

MATERIAL (*Nguyên liệu*)

Natural rubber latex (*Cao su thiên nhiên*)

SHAPE (*Hình dạng*)

Straight fingers, Bead cuff (*Ngón thẳng, có viền*)

COLOR (*Màu sắc*)

Off white to yellow, Pink, Blue (*Vàng, Hồng, xanh*)

SIZE (*Cỡ*)

Small (S), Medium (M), Large (L), Extra-Large (XL), Extra – XLarge (XXL)
(*Nhỏ S, Vừa M, Lớn L*)

PACKING AND LABELLING (*Đóng gói và dán nhãn*)

10 Gross of finger cots shall be packed per polybag, 20 polybags of cots per carton and properly labeled. (*10 gross bao ngón tay sẽ đóng cho mỗi bịch, 20 bịch bao ngón tay đóng cho mỗi thùng đã dán nhãn*)

Each polybag shall be labeled (stamped or printed) with product description, size, lot number. (*Mỗi bịch sẽ được dán nhãn tem hoặc in với sự mô tả rõ ràng, cỡ, số lô*).

For 10 gross packing, the information on packing shall be per customers requirement. (*Ngoài đóng gói 10 gross, thông tin về đóng gói sẽ là yêu cầu mỗi khách hàng*).

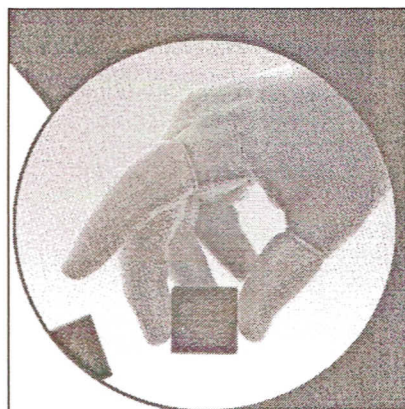
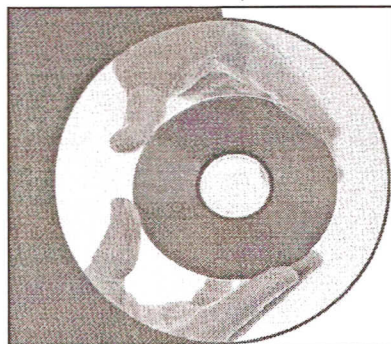
PIONEER POLYMERS CO., LTD.

Road No. 7, Trang Bang Industrial Park.

An Tinh Village, Trang Bang District, Tay Ninh Province, Viet Nam

Tel: + 84 66 3897727/868

Fax: + 84 66 9897726



VISUAL INSPECTION (Kiểm tra ngoại quan)

Sampling plan: S-4, AQL4.0 with accordance WI 13 Rev 02. Visual defects are available in per records (Kế hoạch lấy mẫu S-4, AQL4.0 theo hướng dẫn công việc WI 13. Các lỗi ngoại quan có sẵn trong mẫu báo cáo).

PHYSICAL DIMENSIONS (Kiểm tra kích thước)

Sampling plan S – 2, AQL 4.0, Reference standard ASTM D 3772 – 01 (Kế hoạch lấy mẫu S-2, AQL 4.0, tham khảo tiêu chuẩn ASTM D 3772 – 01)

ITEMS (Các khoản)	SMALL	MEDIUM	LARGE	X-LARGE	XX-LARGE
Weigh Minimum(g) (Khối lượng nhỏ nhất)	0.38	0.44	0.48	0.54	0.60
Diameter of bead Minimum (mm) (Đường kính nhỏ nhất của viên)	1.10	1.10	1.10	1.10	1.10
Average length (mm) (Chiều dài trung bình)	70±3	70±3	70±3	70±3	70±3
Double wall thickness Minimum(mm) (Độ dày 2 mặt nhỏ nhất)	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14
Lay flat width (mm) (Bề rộng)	24±2	27±2	30±2	34.5±2.5	36.5±2.5

PHYSICAL PROPERTIES (Tính cơ lý)

Sampling plan S – 2, AQL 4.0 (Kế hoạch lấy mẫu S-2, AQL 4.0)

PROPERTY (Đặc tính)	REQUIREMENT (Yêu cầu)	
		Ref Std (Tham khảo)
Ultimate elongation Ave(%) (Độ giãn dài trung bình cuối cùng)	Min 720 (for original)	ASTM D 3772 – 01
Tensile strength Ave(MPa) (Độ bền sức căng trung bình)	Min 650 (for aged)	
	Min 22 (for original)	ASTM D 3772 - 01
	Min 20 (for aged)	

PIONEER POLYMERS CO., LTD.

Road No. 7, Trang Bang Industrial Park.

An Tinh Village, Trang Bang District, Tay Ninh Province, Viet Nam

Tel: + 84 66 3897727/868

Fax: + 84 66 9897726

CLEANLINESS FOR POWDER FREE FINGER COTS (Tính sạch – an toàn cho sản phẩm không bột)

Ionic (Chloride) residue testing required $\leq 60\text{ppm}$, PH residue 7 ± 1 (Ref testing process: WI 13) (Lượng ion còn lại trên sản phẩm cho phép $\leq 60\text{ppm}$, PH còn lại 7 ± 1 , tham khảo quy trình kiểm tra trong hướng dẫn công việc WI 13).

ESD: SRM-10¹¹ (ESD value shall be per customer requirement). Note: The current shipment is not impregnated with antistatic/tropical antistatic. As such, the ESD properties will not apply. (Lượng phóng tĩnh điện bề mặt $10^{11} \Omega/\text{cm}^2$, giá trị này sẽ được thay đổi theo yêu cầu mỗi đơn hàng).

PERFORMANCE REQUIREMENT FOR QUALITY CHARACTERISTICS (Thực hiện yêu cầu chất lượng riêng)

For reference purpose in accordance with ISO 2859 (Military standard 105E May 10, 1989 (Equivalent to BS 6001, ABC – 105, ISO 2859). (Thực hiện mục đích phù hợp với ISO 2859)

PACKING, MARKING, GOODS DELIVERY INSPECTION (Kiểm tra đóng gói, ghi nhãn, giao hàng)

Assurance action (Thực hiện đảm bảo):

Set-up and patrol inspection at packing: QC visual checking, QA preshipment (Thiết lập và kiểm tra giám sát ở đóng gói: kiểm soát chất lượng ngoại quan, phân tích kiểm soát chất lượng trước khi xuất).

Supervision of vehicle, vessel loading (Giám sát xuyên suốt toàn quy trình).

INSPECTION DOCUMENTS AND RELEASE SAMPLE (Tài liệu chất lượng và mẫu đưa ra)

Each shipment of cots shall be inspected for physical properties, physical dimension, visual defects per sampling plan. A shipment is acceptable when the products have passed all the stated inspection requirements (Mỗi lần xuất hàng sẽ được kiểm tra tính cơ lý, kiểm tra kích thước, kiểm tra lỗi ngoại quan theo kế hoạch lấy mẫu. Mỗi chuyển hàng được xuất chỉ khi sản phẩm đã qua tất cả các công đoạn kiểm yêu cầu).

NATURAL FINGER COTS RELEASE - QUALITY REQUIREMENT (Sản phẩm bao ngón tay cao su ban hành)

Complies with ASTM D 3772 – 01 (Reapproved 2005) Standard Specification for natural rubber finger cots (Tuân theo tiêu chuẩn chất lượng D 3772 – 01 (thay đổi năm 2005) tiêu chuẩn ghi rõ cho sản phẩm bao ngón tay cao su)

GOOD MANUFACTURING PRACTICE (Sản xuất sản phẩm hợp hiện theo)

The finger cots are manufacturing in compliance with ISO 9001:2008. (Bao ngón tay đang sản xuất tuân theo ISO 9001:2008).

CAUTION (Cảnh báo)

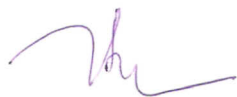
This finger cots contains natural rubber latex. Discontinue use if reddening or irritation occurs and consult physician promptly. Users who are allergic to latex and/or residues should consider alternative hand protection. Do not expose these finger cots to any person know or suspected to be sensitive to natural rubber compounds or components used in the manufacture of this product.

(Sản phẩm bao ngón tay có chứa cao su thiên nhiên. Không sử dụng liên tục nếu sử dụng liên tục sẽ xảy ra tình trạng đỏ hay rát da tay, tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng tiếp. Người sử dụng nếu bị dị ứng với thành phần mủ cao su và những bột thông dụng, nên phải có bao tay vải bảo vệ da tay trước khi sử dụng sản phẩm bao ngón tay cao su).

STORAGE (Bảo quản)

The cots shall maintain their properties within agreed specifications for 3 years when stored in a dry condition at temperature fluctuating between 0°C to 40°C.
(Bao ngón tay cao su sẽ duy trì tính chất theo đặc điểm chi tiết đã định sẵn trong khoảng thời gian 3 năm. Bảo quản ở nhiệt độ trong khoảng từ 0°C đến 40°C).

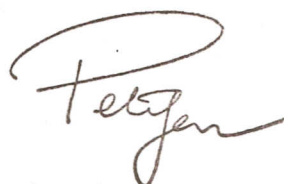
Prepared by:



Vu Thi Nhung

10/10/2010

Approved by:



Peter Jesudoss